

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 5 – 2022

“V/v ly hôn giữa
anh chị H và C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám
2. Bà Huỳnh Thị Thể Phương

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thiện Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh chị H, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 18, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 1/1A, khóm Đông TH B, phường Mỹ TH, thành phố X, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 078. 386. 01. 28

2. Bị đơn : C, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 18, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 033. 247. 59. 37

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh chị H trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2000 anh chị và C đồng ý kết hôn, năm 2007 đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2007 ngày 03/01/2007 C Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Từ lúc sống chung đến nay không hạnh phúc, do C có tính cách lỗ mãng, uống rượu gây sự đánh anh chị, nhiều lần anh chị và C tự ly hôn, sau đó C năn nỉ, cha mẹ hai bên cũng khuyên can, nên anh chị trở lại sống chung, nhưng C vẫn không thay đổi, tính nào tật đó. Từ tháng 4 năm 2021 đến nay anh chị bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống tại thành phố X, tỉnh An Giang và Anh chị ly thân. Thời gian anh chị ở nhà cha mẹ ruột, nhiều lần C đến đập phá nhà cha mẹ báo Công an phường làm việc C nhận sai và xin lỗi cha mẹ. Nay, anh chị không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn C.

+ Nuôi con chung: Anh chị có 03 con chung tên: T2, sinh năm 2000; T3, sinh ngày 04/12/2005 và E, sinh ngày 10/3/2013. Cháu T2 đã thành niên có vợ và sống riêng, anh chị H không yêu cầu giải quyết, cháu T3 và cháu E do C đang nuôi dưỡng, anh chị giao 02 con cho C tiếp tục nuôi, anh chị không cấp dưỡng cho con. Cháu T3 và cháu E đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với cha.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 anh chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không có lời khai và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Biên bản xác minh ngày 19 tháng 4 năm 2022 Văn phòng ấp B cho biết C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 18, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang; C uống rượu nhiều, mỗi lần uống rượu là gây khó khăn cho vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện nay anh sống cùng nhà mẹ ruột bà X1, nhưng anh ít khi ở nhà vì anh đi làm thuê và mang các con đi theo.

Ngày 19/4/2022 Tòa án có đến nhà bà X1 là mẹ ruột C để xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh chị H và C, nhưng không xác minh được do nhà đóng cửa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh chị H đối với C theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung, anh chị H đồng ý giao 02 con chung cho C tiếp tục nuôi là cháu T3 và cháu E, anh chị H không cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ly thân đến nay C nuôi con ổn định, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao con chung cho C nuôi, C không yêu cầu anh chị H cấp dưỡng, nên anh chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản và nợ chung không có; về án phí anh chị H phải anh chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với C, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh chị H và C.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của anh chị H và C là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, mặc dù anh chị có tìm hiểu nhau nhưng sau khi sống chung thì không hạnh phúc do anh C có tính cách lỗ mãng, nhiều lần đánh chị H và cũng nhiều lần anh chị tự ly hôn, từ tháng 4 năm 2021 đến nay vợ chồng ly thân, anh C vắng mặt không gửi cho Tòa án nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị H, cho thấy anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, ban áp cũng cho biết anh C và chị H có mâu thuẫn do C uống rượu nhiều và gây khó khăn cho vợ con. Từ đó, cho thấy C có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa anh chị H và anh C.

[2.2] Về nuôi con chung: chị H đồng ý giao hai con chung cho C tiếp tục nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con, hai cháu T3 và E có nguyện vọng sống với cha. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu T2 đã thành niên và có vợ sống riêng, nên không đề cập. Chị H không trực tiếp nuôi con, lẽ ra chị phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng anh C vắng mặt không có văn bản yêu cầu anh chị H cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[2.4] Về chia tài sản: chị H khai không có nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới anh chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị H phải anh chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị H và anh C. Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2007 ngày 03/01/2007 của Ủy ban nhân dân xã A, Huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên T3, sinh ngày 04/12/2005 và E, sinh ngày 10/3/2013 cho anh C trực tiếp nuôi, cả hai con do anh C đang nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng cho con.

Chị H không trực tiếp nuôi con, anh chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới anh chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị H phải anh chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004385 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Huyện T;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương